

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế học;

Chuyên ngành: Chính sách công

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **GIANG THANH LONG**

2. Ngày tháng năm sinh: 05/10/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T10-03-02 Times City, 458 Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: T10-03-02 Times City, 458 Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0936 639 629;

E-mail: longgt@neu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 11/1998 đến 9/2001: Giảng viên Bộ môn Kinh tế Vĩ mô, Trường ĐH KTQD
- Từ 9/2001 đến 9/2003: Học viên Cao học, ĐH Hitotsubashi, Nhật Bản
- Từ 10/2003 đến 9/2005: Giảng viên Khoa Kinh tế học, Trường ĐH KTQD
- Từ 10/2005 đến 9/2008: Nghiên cứu sinh, Viện Quốc gia Sau Đại học về Nghiên cứu chính sách (GRIPS), Nhật Bản.
- Từ 10/2008-9/2011: Giảng viên Khoa Kinh tế học, Trường ĐH KTQD
- Từ 10/2011-10/2014: Phó Viện trưởng, Viện Chính sách Công & Quản lý, Trường ĐH KTQD.

- Từ 11/2014-10/2019: Viện trưởng Viện Chính sách Công & Quản lý, Trường ĐH KTQD.
- Từ 11/2019 - nay: Giảng viên cao cấp Khoa Kinh tế học, Trường ĐH KTQD.

Chức vụ hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Địa chỉ cơ quan: 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +84-24-36280280, máy lẻ 6522;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học (ĐH) ngày 20 tháng 8 năm 1998, ngành: Kinh tế học, chuyên ngành: Ngân hàng.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 31 tháng 7 năm 2003, ngành: Kinh tế học, chuyên ngành: Chính sách công.

Nơi cấp bằng ThS: Trường ĐH Hitotsubashi, Nhật Bản.

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 17 tháng 9 năm 2008, ngành: Kinh tế học, chuyên ngành: Chính sách công

Nơi cấp bằng TS: Viện Quốc gia Sau Đại học về Nghiên cứu chính sách (National Graduate Institute for Policy Studies - GRIPS), Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 26 tháng 12 năm 2012, ngành: Kinh tế học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành: Kinh tế học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Già hóa dân số, các chính sách an sinh xã hội và tài chính hưu trí

- Già hóa dân số, các chính sách chăm sóc sức khỏe và tài chính y tế

- Các vấn đề về tăng trưởng kinh tế, năng suất và các chính sách xã hội khác

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 04 NCS bảo vệ thành công luận án TS và được cấp bằng;

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước (năm 2018); 1 đề tài cấp Bộ (năm 2011).

- Đã công bố 57 bài báo khoa học trên các tạp chí và 03 bài trong các kỷ yếu hội thảo, trong đó có 44 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín. Giai đoạn từ khi nhận học hàm PGS, ứng viên là tác giả chính của 17 bài xuất bản trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Số lượng sách đã xuất bản (chủ biên/đồng chủ biên/tham gia) giai đoạn từ khi nhận học hàm PGS đến nay là 9, trong đó toàn bộ 9 cuốn này đều do nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD về thành tích nghiên cứu khoa học nổi bật trong năm 2021.
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD về thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc trong các năm học 2009-2010; 2019-2020.
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD về thành tích hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên Đạt Giải nhất cấp Trường, năm học 2015-2016
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, năm 2016.
- Giấy khen của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Trường ĐH KTQD, năm 2016.
- Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở, các năm học từ 2013-2014 đến 2019-2020.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi” của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, năm 2017.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

- Là một Đảng viên, nhà giáo gương mẫu. Thực hiện tốt các quy định của Đảng đối với Đảng viên. Thực hiện tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước. Không vi phạm kỷ luật.

- Thực hiện tốt các công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo, nhà quản lý tại Trường ĐH KTQD. Luôn hoàn thành xuất sắc các công việc liên quan tới giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh.

- Xây dựng và mở rộng quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học cho Khoa Kinh tế học, Viện Chính sách Công và Quản lý (trước 11/2019) và Trường ĐH KTQD. Cụ thể, thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học với ADB, ILO, UNDP, UNFPA, Ngân hàng Thế giới và các Bộ, Ngành liên quan, cũng như nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo hiện có (như Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan), đồng thời tích cực phát triển các chương trình đào tạo với các tổ chức trong và nước ngoài (như đào tạo ngắn hạn cho cán bộ địa phương của Cục Bảo trợ Xã hội (Bộ LĐ-TB & XH), đào tạo xây dựng mô hình ước lượng tài chính quỹ bảo hiểm y tế cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; chương trình đào tạo ngắn hạn và thạc sỹ an sinh xã hội với ĐH Heidelberg (Đức)...

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 6 tháng

- Cụ thể, 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	1	0	1	1	210	53	263/741,6/168,8
2	2020-2021	1	0	1	1	144	33	177/619/270
3	2021-2022	1	0	2	1	177	33	210/555,3/270

Chú thích: Học kỳ I, năm học 2019-2020, ứng viên là Viện trưởng Viện Chính sách Công và Quản lý nên định mức giảng dạy quy đổi là 33,8 giờ chuẩn. Từ học kỳ II, năm học 2019-2020, ứng viên là Giảng viên cao cấp nên tổng số giờ định mức tính cho cả năm học này là 168,8 giờ chuẩn.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Nhật Bản năm 2003 (Thạc sỹ) và năm 2008 (Tiến sỹ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (cho một số chương trình cử nhân giảng bằng tiếng Anh như EBBA, EPMP và Chương trình cao học KTPT Việt Nam – Hà Lan MDE)

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Trúc	✓		✓		2015- 2019	ĐH KTQD	2019
2	Phạm Thị Hồng Thắm	✓		✓		2017- 2020	ĐH KTQD	2020
3	Đỗ Thị Thu	✓		✓		2016- 2020	ĐH KTQD	2021
4	Trần Thị Thúy Ngọc	✓		✓		2016- 2020	ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS							
1	Older persons in Southeast Asia – An emerging asset	CK	ISEAS (Singapore), 2009 ISBN: 978-981- 230-944-0	24		140-166	ĐH KTQD
2	Vượt qua bẫy thu nhập trung bình: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	CK	NXB Giao thông – Vận tải, năm 2010 Giấy phép: 148-2010 /CXB/244- 05/GTVT	6	Đồng chủ biên		ĐH KTQD

6

3	<p>Tận dụng cơ hội dân số ‘vàng’ ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các gợi ý chính sách (tiếng Việt)</p> <p>Taking advantage of the demographic bonus in Vietnam: Opportunitites, challenges, and policy options (tiếng Anh)</p>	CK	<p>NXB Thanh Niên, 2010</p> <p>Giấy phép số 293-2010/CXB/48-09/TN</p>	1	VMM		Xác nhận của Quỹ dân số LHQ và ĐH KTQD
4	<p>Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách (tiếng Việt)</p> <p>The aging population in Vietnam: Current status, prognosis, and possible policy responses (tiếng Anh)</p>	CK	<p>NXB Dân trí</p> <p>Giấy phép số 660-2011/CXB/20-33/DT</p>	1	VMM		Xác nhận của Quỹ dân số LHQ và ĐH KTQD
5	<p>Impacts of conditional cash transfers on growth, income distribution and poverty in selected ASEAN countries</p>	CK	<p>Economic Research Institute for ASEAN and East Asia, 2011</p> <p>ISBN: 978-602-8660-45-7</p>	4	Đồng chủ biên	1-24	ĐH KTQD

II Sau khi được công nhận PGS							
6	Pension system and old-age income support in East and Southeast Asia: Overview and reform directions	CK	Routledge, 2012 ISBN: 978-0-415-69270-0	11		203-221	ĐH KTQD
7	Pension system in East and Southeast Asia: Promoting Fairness and Sustainability	CK	ADB, 2012 ISBN: 978-92-9092-760-0	9		116-128	ĐH KTQD
8	Social protection for older persons – Social pensions in Asia	CK	ADB, 2012 ISBN 978-92-9092-726-6	15		168-186	ĐH KTQD
9	Nhân khẩu học Việt Nam và một số vấn đề kinh tế xã hội	CK	NXB Lao động, 2013. Giấy phép số 595/QĐLK/LĐ	4		77-98	ĐH KTQD
10	Health Rights of Older People – Comparative Perspectives in Southeast Asia	CK	Routledge, 2018 ISBN: 978-1-138-55046-9	14	Đồng chủ biên	Chương 1 (1-17); Chương 5 (91-114); Chương 7 (148-156) và Chương 8 (157-160)	ĐH KTQD
11	Người cao tuổi Việt Nam: Sức khỏe, sử dụng dịch vụ y tế và các vấn đề chính sách	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020. ISBN: 978-604-946-836-0	8	Chủ biên	Chủ biên; tham gia viết và biên soạn toàn bộ cuốn sách	ĐH KTQD

(Handwritten signature)

12	Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam (tiếng Việt) The population and housing census 2019: Population ageing and older persons in Vietnam (tiếng Anh)	CK	NXB Thanh Niên, 2021. Giấy phép số 2504-2021/CXBIPH/56-90/TN ISBN: 978-604-334-955-9	1	VMM		Xác nhận của Tổng cục Thống kê và ĐH KTQD
13	Người cao tuổi ở Việt Nam: Phân tích từ Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021 (tiếng Việt) Older persons in Vietnam: An analysis of the Population Change and Family Planning Survey 2021 (tiếng Anh).	CK	NXB Thanh Niên, 2021. Giấy phép số 4705-2021/CXBIPH/17-164/TN ISBN: 978-604-354-009-3	1	VMM		Xác nhận của Tổng cục Thống kê và ĐH KTQD
14	Revitalising ASEAN economies in a post-COVID-19 world: Socioeconomic issues in the new normal	CK	World Scientific, 1/2022 ISBN: 978-981-122-846-9	21		Chương 8 (201-234) Chương 9 (235-258)	ĐH KTQD

Trong đó: 04 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản [số 10,11,12,13]; có 04 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản [số 10] ứng viên là chủ biên sau khi nhận học hàm PGS.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)	Trách nhiệm (CN, PCN, TK)	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện (tháng, năm đến tháng, năm...)	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm), xếp loại kết quả
Trước khi nhận học hàm PGS						
1	Cân bằng dài hạn của Quỹ hưu trí Việt Nam: Dự báo bằng phương pháp ước lượng ngẫu nhiên	CN	B2009-06-122 (Cấp Bộ)	Số 1105/QĐ-QLKH ngày 26/06/2009	2009-2011	Số 2901/QĐ-BGDĐT ngày 15/07/2011 Xếp loại: Tốt
Sau khi nhận học hàm PGS						
2	Tác động của già hóa dân số đến quỹ hưu trí, ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	CN	II6.2-2013.01 (Cấp Nhà nước)	Hợp đồng số 01/2014/II/HĐ XH ngày 20/12/2014	2014-2017	Số 149/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 15/8/2018 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I Trước khi công nhận học hàm PGS								
1	The vulnerability of Vietnamese Elderly to Poverty: Determinants and Policy Implications	2	✓	Asian Economic Journal ISSN: 1467-8381	ISI, (IF=0.743) Q3	Google Scholar: 48	Vol. 23, No. 4: 419-437	2009
2	Ageing, Poverty and the Role of a Social Pension in Vietnam	2	✓	Development & Change ISSN: 1467-7660	ISI, (IF=1.411) Q1	Google Scholar: 69	Vol.19- No. 2: 333-360	2009
3	Remittances, Living Arrangements and the Welfare of the Elderly in Vietnam	2		Asian and Pacific Migration Journal ISSN: 1479-1846	ISI, IF=1.333 Q2	Google Scholar: 29	Vol. 19, No. 4: 447-472	2010
4	Determinants and impacts of international remittances on household welfare in Vietnam	2		International Social Science Journal ISSN: 1468-2451	Scopus (Q3)	Google Scholar: 79	Vol. 60, No. 194: 431-443	2010

16

5	Demographic Changes and the Long-term Pension Finances in Vietnam: A Stochastic Actuarial Assessment	2	✓	Journal of Population Ageing ISSN: 1874-7884 (print version) ISSN: 1874-7876 (web version)	ESCI	Google Scholar: 36	Vol. 1, No. 2: 125-151	2009
6	Già hóa dân số và hệ thống hưu trí thực thanh thực chi: Kinh nghiệm các nước và chính sách cho Việt Nam	2	✓	Tạp chí Bảo hiểm Xã hội ISSN: 1859-2562			Vol.06, No.2: 26-30	2011
7	Biến đổi dân số: Cơ hội và thách thức cho cải cách hệ thống hưu trí Việt Nam	2	✓	Tạp chí Bảo hiểm Xã hội ISSN: 1859-2562			Vol.10, No.2: 17-21	2010
8	Tổng quan về dân số cao tuổi và những thách thức của già hoá dân số ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Bảo hiểm Xã hội ISSN: 1859-2562			Vol.1, No.1: 22-26	2010
9	On the feasibility of a universal non-contributory pension scheme in Vietnam	2	✓	Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020			Vol.32, Dec 2008: 12-17	2008

6

10	Reaching a universal health insurance in Viet Nam: Challenges and the Role of Government	1	✓	Asia Pacific Development Journal ISSN: 1020-1246		Google Scholar: 4	Vol. 18, No. 1: 47-72	2011
11	Efficiency Estimates for the Agricultural Production in Vietnam: A Comparison of Parametric and Non-parametric Approaches	2		Agricultural Economics Review ISSN: 1109-2580	Scopus (Q4)	Google Scholar: 27	Vol. 10, No. 2: 62-78	2009
12	A comparative study in the technical efficiency of manufacturing firms in two biggest cities in Vietnam	2	✓	Asian-African Journal of Economics And Econometrics ISBN: 0972-3986		Google Scholar: n.a	Vol.12, No.1: 89-103	2012
13	Groups Excluded from “Representative” Household Surveys - An Analysis Based on Remittances Sent and Received in Vietnam”	2		ASEAN Economic Bulletin ISSN: 1793-2831 (web); 0217-4472 (print)		Google Scholar: 7	Vol. 28, No. 1: 68-73	2011



14	A Stochastic Forecast Model for Japan's Population	3		The Japanese Economy ISSN: 2329-194X (print); 2329-1958 (web)		Google Scholar: 12	vol. 38, no. 2: 19-44	2011
II Sau khi công nhận học hàm PGS								
15	Productive activities of the older people in Vietnam	3	✓	Social Science and Medicine ISSN: 0277-9536	SSCI (IF=4.634) Q1	Google Scholar: 10	Vol. 229: 32-40	2019
16	Working Beyond the Traditional Retirement Ages: How does Chronic Health Condition Influence Older Workers in Vietnam	2	✓	Ageing International ISSN: 0163-5158 (Print) 1936-606X (Online)	Scopus (Q3)	Google Scholar: 12	Vol.43, Issue 2: 158-173	2018
17	Determinants of Work Decisions among Older People in Rural Vietnam	2	✓	Journal of Population Ageing ISSN: 1874-7884 (print); 1874-7876 (web)	ESCI	Google Scholar: 16	Vol. 8: 289-303	2016
18	Determinants of Labor Force Participation of Older People in Vietnam	2	✓	Journal of Economics and Development (JED) ISSN: 1859-0020		Google Scholar: 5	Vol.17, No.2: 28-52	2015
19	Poverty of the Vietnamese Older Persons: Observations from a National Survey	2		Issue in Focus ISSN: 1925-1548		Google Scholar: n.a	Vol. 02 No. 03, Fall/Winter 2021: 45-60	2021



20	Thực trạng và các yếu tố tác động tới nghèo của người cao tuổi ở Việt Nam	2	✓	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		Google Scholar: n.a	Số 233: 70-78	2016
21	Cash Transfers For The Most Vulnerable and Poor Elderly People in Vietnam: An Ex-Ante Impact Evaluation	2	✓	Journal of Economics and Development (JED) ISSN: 1859-0020		Google Scholar: n.a	Vol. 15, No.3: 22-35	2013
22	Delivering social protection services to the poor and vulnerable people in Vietnam: Challenges and the role of government	1	✓	ASEAN Economic Bulletin ISSN: 0217-4472		Google Scholar: 5	Vol. 29, No. 3: 245-258	2012
23	Social Protection for Older People in Vietnam: Role, Challenges, and Reform Options	1	✓	Malaysian Journal of Economic Studies ISBN: 1511-4554	Scopus (Q4)	Google Scholar: 8	Vol. 50, No. 2: 194-207	2013
24	Aging population and the sustainability of the pension scheme: Simulations of policy options for Vietnam	2	✓	Journal of Economics and Development (JED) ISSN: 1859-0020	ACI	Google Scholar: 4	Vol. 19, No. 3 (December 2017): 40-51	2017

25	Phát triển bảo hiểm xã hội: Nhìn từ thực trạng lao động, việc làm	2	✓	Tạp chí Bảo hiểm Xã hội ISSN: 1859-2562		Google Scholar: n.a	Kỳ 1, tháng 4/2020: 18-21	2020
26	Mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	2	✓	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN 1859-011X		Google Scholar: 1	Số 215, tháng 4/2020: 44-55	2020
27	Gender differences in financial sources and perceived financial satisfaction among older people in Vietnam	3	✓	Journal of Economics and Development (JED) ISSN: 1859-0020		Google Scholar: 9	Vol.18, No.2: 36-58	2016
28	An empirical investigation of the subjective financial well-being and life satisfaction of older adults in Vietnam	2	✓	Corvinus Journal of Sociology and Social Policy ISSN: 2062-087X	Scopus (Q4)	Google Scholar: n.a	Vol.13, No.1 (2022): 25-48	2022
29	The Role of Local Government in Protecting the Rights of Older People: The Case of Intergenerational Self-help Clubs in Vietnam	3	✓	Local Administration Journal (LAJ) ISSN: 1906-103X (print); 2730-1834 (web)		Google Scholar: n.a	Vol. 13, No. 3: 1-19	2020

6

30	Gender differences in prevalence and associated factors of multi-morbidity among older persons in Vietnam	2		International Journal on Ageing in Developing Countries ISSN: 2519-1594		Google Scholar: 5	1(2): 113-132	2016
31	Factors associated with Perceived Health Status of the Vietnamese Older People	3	✓	Journal of Population Ageing ISSN: 1874-7884 (print); 1874-7876 (web)	ESCI	Google Scholar: 4	Vol. 12, Issue 1: 95-108	2018
32	Factors Associated with Depression among Older People in Vietnam	3	✓	Journal of Population and Social Studies (ISSN: 2465-4418)	Scopus (Q3)	Google Scholar: 7	Vol. 27, No.2: 181 - 194	2019
33	Socio-economic related health inequality in non-communicable diseases among older people in Viet Nam	4		Ageing & Society ISSN: 0144-686X (Print), 1469-1779 (Online)	ISI (IF=2.786) Q1	Google Scholar: 8	Vol. 41: 1421-1448	2020
34	Decomposing gender inequality in functional disability among older people in Vietnam	3		Archives of Gerontology and Geriatrics ISSN: 0167-4943	ISI (IF=3.250) Q1	Google Scholar: 6	Vol. 87, March – April 2020: 103989	2020

6

35	Social support and self-rated health among older men and women in Vietnam	3	✓	Journal of Population Ageing ISSN: 1874-7884 (print); 1874-7876 (web)	ESCI	Google Scholar: 6	Vol. 13: 427-442	2020
36	Social support effect on health of older people in Vietnam: Evidence from a national survey on aging	5	✓	Ageing International ISSN: 0163-5158 (Print) 1936-606X (Online)	Scopus (Q3)	Google Scholar: 4	Vol. 45: 344-360	2020
37	How do living arrangements and intergenerational support matter for psychological health of elderly parents? Evidence from Myanmar, Vietnam, and Thailand	3		Social Science and Medicine ISSN: 0277-9536	SSCI (IF=4.634) Q1	Google Scholar: 98	Vol. 136-137: 106-116	2015
38	The evolution of social health insurance in Vietnam and its role towards achieving universal health coverage	5		Health Policy OPEN ISSN: 2590-2296		Google Scholar: 12	Vol 1, Dec. 2020: 100011	2020

b

39	Access of Older People to Health Insurance and Healthcare Services in Vietnam: Current State and Policy Options	2	✓	Asia-Pacific Population Journal ISBN: 978-92-1-120667-8		Google Scholar: 2	Vol.28. No.2: 69-89	2013
40	Bảo hiểm y tế trong chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi ở Việt Nam	3	✓	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		Google Scholar: n.a	Số 231 (II): 38-48	2016
41	Sử dụng dịch vụ và gánh nặng tài chính trong chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi ở Việt Nam	2	✓	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489		Google Scholar: n.a	Số 12(475): 45-54	2017
42	Factors Associated with Regional Disparity in Utilization of Healthcare Services among the Vietnamese Older People	2		Journal of Population and Social Studies (JPSS) ISSN: 2465-4418	Scopus Q3	Google Scholar: 2	Vol. 29: 15-31	2021
43	Factors Influencing the Vietnamese Older Persons in Choosing Healthcare Facilities	2	✓	Health Services Insights ISSN: 1859-0020	ESCI	Google Scholar: 2	Vol 14: 1-14	2021

16

44	COVID-19: A Relook at Healthcare Systems and Aged Populations	3	✓	Sustainability ISSN: 2071-1050	ISI (IF=3.251) Q2	Google Scholar: 15	12(10): 4200- 4210	2020
45	Efficiency and Super-efficiency of commercial banks in Vietnam: Performances and Determinants	3		Asia-Pacific Journal of Operational Research ISSN: 0217-5959 (print); 1793-7019 (online)	ISI (IF=0.364) Q3	Google Scholar: 59	Vol. 30, No. 1: 1- 19	2013
46	Does firm privatisation benefit local households? The case of Vietnam	4		Post-Communist Economies ISSN: 1463-1377 (print); 1465-3958 (web)	SSCI (IF=0.492) Q3	Google Scholar: 4	Vol. 27, No.4: 547-565	2015
47	Firm agglomeration and local poverty reduction: Evidence from an economy in transition	3		Asia-Pacific Economic Literature (ISSN:1467-8411)	ISI (IF=0.429) Q3	Google Scholar: 13	Vol.30, No.1: 80-98	2016
48	Does PAPI monitoring improve local governance? Evidence from a natural experiment in Vietnam	3		International Journal of Development Issues ISSN: 1446-8956	Scopus (Q2)	Google Scholar: 9	Vol. 16, Issue 1: 85-106	2017

49	Do Good Governance and Public Administration Improve Economic Growth and Poverty Reduction? The Case of Vietnam	4		International Public Management Journal ISSN: 1096-7494 (Print); 1559-3169 (Online)	SSCI (IF=3.083) Q1	Google Scholar: 16	Vol 24, No 1: 131-161	2019
50	The impacts of economic growth and governance on migration: Evidence from Vietnam	3		European Journal of Development Research ISSN: 0957-8811 (print); 1743-9728 (web)	ISI (IF=2.297) Q2	Google Scholar: 7	Vol. 32: 1195-1229	2020
51	Child labor in Vietnam: Issues and policy implications	3	✓	Children and Youth Services Review ISSN: 0190-7409	SSCI (IF=2.393) Q1; H-index=97	Google Scholar: n.a	Vol. 130: 106222	2021
52	Does Firm Agglomeration Matter to Labor and Education of Local Children? Evidence in Vietnam	4		Child Indicators Research ISSN: 1874-897X (Print); 1874-8988 (Online)	SSCI (IF=2.42) Q1	Google Scholar: 6	Vol. 10: 1015-1041	2017
53	How would cash transfers improve child welfare in Viet Nam?	2	✓	Children and Youth Services Review ISSN: 0190-7409	SSCI (IF=2.393) Q1; H-index=97	Google Scholar: 12	Vol.82: 87-98	2017
54	Impacts of higher tobacco tax on output and employment in Vietnam	3		Journal of Economics and Development (JED) ISSN: 1859-0020	ACI	Google Scholar: 3	Vol. 22, No. 1, pp. 167-182	2020

55	An Empirical Analysis on the Illicit Trade of Cigarettes in Vietnam	3		Tobacco Control ISSN: 0964-4563	SCI (IF=6.726) Q1; H-index=129	Google Scholar: 4	Vol 29: s281-s286	2020
56	Tác động của trách nhiệm xã hội đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 18, tháng 6/2020 (736): 190-194	2020
57	Building on Vietnam's Recent COVID-19 Success: A Job-Focused Analysis of Individual Assessments on Their Finance and the Economy	3		Sustainability ISSN: 2071-1050	ISI (IF=2.592) Q2	Google Scholar: 2	Vol. 13, No.19: 10664	2021

Các báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo

TT	Tên chương sách/bài	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên sách/Kỷ yếu/ISSN hoặc ISBN	Tham gia viết	Năm xuất bản
1	The older women in Vietnam: Life-course poverty, determinants and policy implications	2	✓	Emerging issues in economics and business in the context of international integration NXB: National Economics University Publishing House ISBN: 978-604-946-330-3	Trang 213-226	2017

2	Family support exchanges and subjective well-being among older people: Evidence from Vietnam	4	✓	The 15 th International Conference on Humanities and Social Sciences (IC-HUSO 2019) ISBN 978-616-438-425-5	Trang 66-95	2019
3	Factors associated with participation in the voluntary social insurance scheme: Evidence from Vietnam	2		The 3rd International Conference on Contemporary Issues In ECONOMICS, MANAGEMENT AND BUSINESS (CIEMB) Finance Publishing House ISBN: 978-604-79-2605-3	Trang 822-843	2020

- Trong đó: 17 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau PGS (theo số thứ tự 15, 16, 17, 22, 23, 24, 28, 29, 31, 32, 35, 36, 39, 43, 44, 51, 53)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đào tạo tiến sỹ bằng tiếng Anh (E-PhD)	Tham gia	Số 677/QĐ-ĐH KTQD ngày 26/9/2017			
2	Xây dựng chuyên ngành đào tạo Thạc sỹ an sinh xã hội	Tham gia	Số 749/QĐ-ĐH KTQD ngày 20/10/2017			
3	Chương trình Thạc sỹ kinh tế phát triển Việt Nam – Hà Lan	Chủ trì	Số 347/QĐ-ĐH KTQD ngày 7/6/2022			

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Giang Thanh Long